

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2021/DS-PT

Ngày 12/5/2021

V/v Tranh chấp đòi BTTH ngoài  
hợp đồng.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

***-Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :***

*Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa :* Ông Trần Trí Dũng

*Các Thẩm phán :*

Bà Bùi Thị Cẩm Thúy

Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

***-Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Văn Khải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân*** thành phố Cần Thơ Ông Nguyễn Văn Phi, Trần Thanh Vũ - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 5 năm 2021 Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 204/2020/TLPT-DS ngày 30 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp: Đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 112/2020 /DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2021/ QĐ-PT ngày 06 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự :

**1. Nguyên đơn:** Ông Trần Thiện T.

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Huỳnh Văn L

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ.

(Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 26/12/2018)

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* Luật sư Cao Văn B, Văn phòng Luật sư T - Đoàn luật sư Thành phố H.

**2. Bị đơn:** Ông Danh Thái C

Địa chỉ cư trú: khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Bà Nguyễn Sỹ K.

Địa chỉ cư trú: T, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

(Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 30/7/2019)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C

- Ông Nguyễn Văn T

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã t, huyện C, thành phố Cần Thơ.

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn.

5. *Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ kháng nghị.*

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:***

**Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:** Ngày 11/5/2018 Chi cục Thi hành án huyện C tổ chức bán đấu giá tài sản là 02 quyền sử dụng đất thửa 535, tờ bản đồ số 13, diện tích 494m<sup>2</sup> có 100m<sup>2</sup> đất ODT và 394m<sup>2</sup> đất CLN (có 92m<sup>2</sup> đất CLN thuộc HLATLGT) và thửa đất 536, tờ bản đồ số 13, diện tích 26.495m<sup>2</sup> đất LUC của ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị D, tại địa chỉ ấp T, xã T (nay là xã T1), huyện C, thành phố Cần Thơ. Ngày 11/5/2018 ông Trần Thiện T có ký hợp đồng mua bán tài sản số 17/HĐMB-DTN với người có tài sản đấu giá là Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Ủy ban nhân dân huyện C đã cấp 02 giấy CNQSD đất cho ông T số CP 227638 ngày 02/01/2019 và giấy số 227627 ngày 10/01/2019.

Trước khi được cấp giấy CNQSDĐ, ông C đồng ý ký vào biên bản xác định ranh đất. Sau khi kiểm tra hiện trạng đất thì Chi cục Thi hành án dân sự huyện C giao đất cho ông T. Vào khoảng tháng 9 và tháng 10/2018 ông T tiến hành gieo lúa tại thửa 536 nhưng ông C cản trở không cho gieo xạ và nhổ cọc, hủy hoại ranh đất (nhổ cọc đá) ông T đã báo chính quyền địa phương đến lập biên bản.

Ngày 01/11/2018, ông T cho ông Nguyễn Văn T thuê thửa đất 536 diện tích 26.495m<sup>2</sup> giá thuê là 80.000.000 đồng, thời hạn thuê 01 năm, ông T đã nhận tiền thuê xong. Ngày 15/11/2018 ông T tiến hành canh tác thì bị ông C ngăn cản nên giữa ông T và ông T thanh lý hợp đồng, ông T đã trả lại cho ông T 80.000.000 đồng tiền thuê. Nay yêu cầu ông C bồi thường 80.000.000 đồng do ông C có hành vi cản trở việc sản xuất gây thiệt hại cho ông T.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông T yêu cầu ông C bồi thường 200.000.000 đồng tương đương tiền thuê mỗi tháng 10.000.000 đồng tính từ tháng 11/2018 đến nay là 20 tháng.

**Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:** Quá trình thi hành án bản án số 49/2016/DSST ngày 30/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thì Chi cục Thi hành án dân sự huyện C có thông báo cho ông C là kê biên bán đấu giá tài sản của ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị D để thi hành án cho ông C, sau khi bán đấu giá tài sản thì Chi cục Thi hành án dân sự chỉ giao cho ông C 60.000.000 đồng nhưng ông C không đồng ý nhận vì bản án số 46 tuyên khi nào ông C nhận đủ 200 chỉ vàng thì mới giao trả đất cho ông C bà D. Ông C nghĩ kê biên bán đấu giá tài sản là để thi hành án cho ông C nên ông không có ý kiến. Tuy nhiên sau khi bán tài sản thì ông C chỉ nhận được 60.000.000 đồng, số tiền còn lại thì thi hành án cho Ngân hàng TMCP D theo bản án số 06/2027/KDTM-ST ngày 31/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ. Ông C có khiếu nại đến Chi cục, cục, Tổng cục thi hành án dân sự và Bộ tư pháp.

Hai bản án nêu trên là có mâu thuẫn, lẽ ra Chi cục Thi hành án dân sự huyện C phải yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ giải thích bản án để có cơ sở thi hành hai bản án vì thực tế Chi cục Thi hành án dân sự đã giao cho ông C tiếp tục quản lý tài sản của ông C bà D. Ông C thực hiện đúng nội dung bản án số 49 không có gây thiệt hại cho ông T nên không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của ông T.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T trình bày:** Ngày 01/11/2018 giữa ông và ông T có ký hợp đồng thuê đất với nội dung ông thuê của ông T 26.495m<sup>2</sup> đất để canh tác với giá 80.000.000 đồng /năm. Ngày 15/11/2018 ông đến phần đất canh tác thì bị ông C ngăn cản nên giữa ông và ông T đã hủy hợp đồng, ông T đã trả lại ông 80.000.000 đồng. Ông không có yêu cầu gì.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện C trình bày:** Quá trình kê biên bán đấu giá tài sản của ông C bà D để thi hành án ông C không có ý kiến gì, khi đấu giá thành có người mua nhưng giữa ông C và ông C bà D không có thỏa thuận gì. Đối với bản án số 06/2017/KDTM-ST ngày 31/3/2017, sau khi đấu giá thành Chi cục Thi hành án dân sự huyện C đã thanh toán các khoản chi phí theo quy định và thanh toán cho Ngân hàng, số tiền còn lại 60.967.980 đồng, được giao trả cho ông C nhưng ông C không nhận vì vậy số tiền đã được gửi vào Ngân hàng theo quy định. Khi kê biên đất được giao cho ông C bảo quản vì thời điểm đó ông C đang canh tác. Ông C, bà D là người phải thi hành án, ông C là người được thi hành án nên ông không phải là đối tượng được giao đất do đó không nhất thiết ông C phải ký tên vào biên bản bàn giao tài sản.

Diện tích kê biên phát mãi là 26.495m<sup>2</sup>, Chi cục Thi hành án dân sự huyện C đã giao cho ông T là người mua trung đầu giá kể từ ngày 12/6/2018 và ông T đã ký nhận tài sản.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 112/2020/DS-ST ngày 22/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ tuyên xử như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thiện T đối với ông Danh Thái C.

Buộc ông Danh Thái C phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông Trần Thiện T số tiền 40.800.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Thiện T tương ứng với số tiền 159.200.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả khi thi hành án, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/10 và 13/10/2020 ông Trần Thiện T kháng cáo yêu cầu buộc ông C bồi thường 80.000.000 đồng, tiền ông đền bù cho ông T và 200.000.000 đồng do ông C cản trở nên ông không canh tác được từ tháng 11/2018 đến nay là 20 tháng.

Ngày 03/10/2020 ông Danh Thái C kháng cáo đề nghị bác yêu cầu của nguyên đơn.

Ngày 21/10/2020 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ có Quyết định kháng nghị số 24/QĐKNPT-VKS-DS đề nghị hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo vẫn giữ yêu cầu kháng cáo

Đương sự còn lại giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ rút một phần kháng nghị và phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Đương sự và Tòa án các cấp thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung giải quyết vụ án: Tại phiên tòa hôm này nguyên đơn rút một phần kháng cáo chỉ đòi 80 đồng là tự nguyện nên có căn cứ chấp nhận. Nguyên đơn mua đất qua bán đấu giá được và được cấp giấy chứng nhận nhưng không được canh tác là có thiệt hại. Tuy nhiên ông C có lỗi hay không, xét thấy theo nội dung bản án số 49/2016/DSST ngày 30/6/2016 có quyết định khi ông C nhận đủ 200 chỉ vàng 24k

thì trả lại đất cho ông C, bà D. Sau đó tài sản được bán đấu giá, cơ quan Thi hành án chỉ giao cho ông C 60 triệu đồng. Căn cứ nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 quy định về nguyên tắc bồi thường thiệt hại thì ông C có quyền sử dụng đất vì chưa nhận đủ 200 chỉ vàng nên ông C không có lỗi. Ông T có thiệt nhưng cần xác định rõ ai là người phải bồi thường, riêng ông C không có lỗi. Về việc thu thập chứng cứ thì ở giai đoạn phúc thẩm cũng đã được bổ sung. Yêu cầu Hội đồng căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát, kháng cáo của bị đơn; bác kháng cáo, khởi kiện của nguyên đơn, sửa án sơ thẩm.

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải bồi thường thiệt hại do cản trở việc canh tác của nguyên đơn. Cấp sơ thẩm thụ lý, xét xử theo quan hệ pháp luật tranh chấp đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng là có căn cứ đúng pháp luật.

Qua xem xét đánh giá nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ Hội đồng xét xử thấy:

[1] Ngày 24/11/2015 Tòa án nhân huyện Cờ Đỏ thụ lý vụ án dân sự nguyên đơn ông Danh Thái C, bị đơn ông Nguyễn Văn C bà Trần Thị D, theo yêu cầu của ông C xin được hủy hợp đồng cầm cố đất và bị đơn phải trả lại ông 200 chỉ vàng 24k. Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2016/DS-ST ngày 30/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ tuyên hủy hợp đồng cầm cố lập ngày 04/10/2016 giữa ông Danh Thái C với ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị D do trái pháp luật. Buộc ông C bà D trả lại cho ông C 200 chỉ vàng 24k. Buộc ông C trả cho ông C bà D thửa đất 536 diện tích 25.250,5m<sup>2</sup> khi đã nhận đủ 200 chỉ vàng 24k. (Bản án đã có hiệu lực)

Ngày 06/10/2016 Chi cục Thi hành án dân sự huyện C ra Quyết định thi hành án theo yêu cầu của ông C số: 286/QĐ- CCTHADS. Buộc ông C bà D phải trả cho ông C 200 chỉ vàng 24k.

Ngày 31/10/2016 Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ thụ lý vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP D và bị đơn ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị D đề yêu cầu bị đơn trả số nợ đã vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2017/KDTM-ST ngày 31/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ đã tuyên buộc ông C bà D phải trả số nợ gốc và lãi là: 1.049.911.419 đồng, nếu bị đơn không trả thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa đất 535 và 536 do ông C đứng tên. (bản án đã có hiệu lực)

Ngày 24/02/2017 Chi cục Thi hành án dân sự huyện C ban hành Quyết định cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản số: 09/QĐ-CCTHADS, kê biên quyền sử dụng đất

25.250,5m<sup>2</sup> tại thửa 536 và diện tích 540,6 m<sup>2</sup> thửa 535, ông C bà D không được chuyển dịch, sang nhượng các tài sản kê biên. Toàn bộ tài sản kê biên Chấp hành viên giao cho ông C quản lý, sử dụng, canh tác.

[2] Sau khi bản án số: 06/2017/KDTM-ST có hiệu lực Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án, Chi cục Thi hành án dân sự huyện C đã ban hành Quyết định thi hành án số: 454/QĐ-CCTHADS ngày 28/5/2018. Các tài sản kê biên của ông C bà D được Chi cục Thi hành án dân sự huyện C đưa ra bán đấu giá theo quy định của Luật thi hành án dân sự. Qua 04 lần giảm giá thì ông Trần Thiện T là người mua được tài sản đấu giá với số tiền 1.456.500.000 đồng, ông T đã nộp xong tiền tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Tuy nhiên ông C không giao đất cho ông T nên Chi cục Thi hành án dân sự huyện C ban hành Quyết định cưỡng chế chuyển giao quyền sử dụng đất số: 17/QĐ-CCTHADS ngày 29/5/2018, đến ngày 12/6/2018 Chấp hành viên thực hiện việc cưỡng chế và giao đất cho ông T ký nhận xong.

Ông C đã có đơn khiếu nại về việc cưỡng chế giao tài sản cho ông T. Chi cục Thi hành án dân sự huyện C có Quyết định giải quyết khiếu nại số 04/QĐ-CCTHADS ngày 12/6/2018 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện C không chấp nhận toàn bộ khiếu nại của ông C.

Ông C tiếp tục khiếu nại Quyết định số 04/QĐ-CCTHADS đến Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Ngày 30/7/2018 Cục trưởng cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1050/QĐ-CTHDS, không chấp nhận đơn khiếu nại của ông C và giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại số 04/QĐ-CCTHADS ngày 12/6/2018 của Chi cục trưởng Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ. Như vậy sau khi cưỡng chế giao đất cho ông T người mua tài sản bán đấu giá thì ông C có khiếu nại và đã được Chi cục Thi hành án dân sự huyện C và Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ giải quyết xong theo trình tự thủ tục được Luật thi hành án dân sự quy định.

Đến ngày 01/11/2018 ông T đem thửa đất 536 cho ông Nguyễn Văn T thuê với giá 80.000.000 đồng, ngày 12/11/2018 ông T cùng nhân công đến diện tích đất đã mua để xạ lúa nhưng bị ông C cản trở, sự việc được Công an xã T1 lập biên bản (bút lục 89).

Qua xem xét, đánh giá các chứng cứ được thu thập trong hồ sơ Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3] Đối với yêu cầu kháng cáo của ông Trần Thiện T đòi ông C bồi thường hai khoản gồm: 80.000.000 đồng đền bù cho ông T và 200.000.000 đồng cho thời gian 20 tháng không canh tác được do bị ông C cản trở, mỗi tháng tương đương 10.000.000 đồng. Với các yêu cầu trên là không có cơ sở với các căn cứ sau:

+ Với số tiền đền bù 80.000.000 đồng, ông T cho rằng ông cho ông T thuê đất từ tháng 11/2018 nay bị ông C cản trở nên ông Phải đền bù. Tại phiên tòa sơ thẩm ông T cũng thừa nhận ông có nhận 80.000.000 đồng của ông T nhưng do không thực hiện được hợp đồng nên ông đã trả lại số tiền trên cho ông T xong. Như vậy ông T không có thiệt hại gì trong số tiền 80.000.000 đồng. Tuy nhiên thiệt hại của ông là khoảng thời gian ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp nhưng bị ông C cản trở nên ông không thực hiện được quyền cho thuê đất được quy

định tại Điều 167 Luật đất đai năm 2013. Vậy tính từ thời điểm tháng 01/2019 ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nên phải tính từ thời gian này tương đương với thời gian mà ông T cho thuê với hai mùa vụ đông xuân và thu đông. Theo biên bản xác minh ngày 21/9/2020 và quyết định của Tòa sơ thẩm với mức thuê 2.000.000 đồng/công tầm lớn là phù hợp.

+ Tại phiên tòa sơ thẩm ông T phát sinh thêm yêu cầu đòi ông C phải trả thêm 200.000.000 đồng, thời gian tính từ 11/2018 đến nay không canh tác được do bị ông C cản trở.

Căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “ *Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của đương sự nếu việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của họ không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập ban đầu*”. Theo đơn và yêu cầu khởi kiện của ông T ban đầu chỉ đòi 80.000.000 đồng. Do đó tại phiên tòa ông bổ sung thêm yêu cầu trên là không đúng quy định nên cấp sơ thẩm không chấp nhận là đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày hôm nay nguyên đơn rút một phần yêu cầu yêu cầu kháng cáo chỉ yêu cầu ông C bồi thường 80.000.000 đồng. Đây là ý kiến tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Đối với kháng cáo của ông Danh Thái C đề nghị bác yêu cầu của nguyên đơn. Yêu cầu của ông C là không có cơ sở với các lý do sau:

+ Thửa đất số 536 diện tích 25.250,5m<sup>2</sup> của ông C mà ông C đang quản lý bắt nguồn từ hợp đồng cổ đất ngày 04/10/2006, giữa ông và ông C bà D. Tuy nhiên hợp đồng trên đã bị bản án số: 49/2016/DS-ST ngày 30/6/2016 của Tòa án nhân huyện Cờ Đỏ tuyên hủy do trái pháp luật. Như vậy về mặt pháp lý quyền sử dụng đất trên vẫn thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông C đó đó, ông C có quyền thế chấp được quy định tại Điều 167 Luật đất đai năm 2013, chính vì vậy ngày 15/7/2015 ông C đã ký hợp đồng thế chấp số 00069/HĐTC-QSĐĐ-CN cho Ngân hàng TMCP D, do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã khởi kiện ông C. Tại bản án kinh doanh thương mại số 06/2017/KDTM-ST ngày 31/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ đã tuyên buộc ông C bà D phải trả số nợ gốc và lãi là: 1.049.911.419 đồng, nếu bị đơn không trả thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa đất 535 và 536 do ông C đứng tên. (bản án đã có hiệu lực). Đây là tài sản được giao dịch bảo đảm cho nên Chấp hành viên đã kê biên, phát mãi bán đấu giá là đúng pháp luật, tài sản đã giao cho người mua là ông T từ ngày 12/6/2018 nhưng ông C đã có hành vi cản trở không giao đất cho ông T cơ sở này được ghi nhận tại biên bản sự việc xảy ra lập ngày 12/11/2018 và báo cáo của công an xã T1 ngày 10/12/2018 (bút lục 89, 90). Ông C là người có lỗi đã gây thiệt hại cho ông T thì phải chịu trách nhiệm bồi thường như án sơ thẩm tuyên là có căn cứ.

Ông C cho rằng ông thực hiện đúng theo bản án số 49 khi nào ông C trả đủ 200 chỉ vàng 24K thì ông trả đất. Với lập luận này là chưa đúng bởi vì: diện tích đất ông đang quản lý không thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông mà thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông C, ông C cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước đó, bản án số 49 cũng không tuyên không được xử lý tài sản của ông C trong mọi trường hợp khác để bảo đảm nghĩa vụ toàn bộ số nợ cho ông C và cũng không

công nhận phần đất là của ông C, sau đó diện tích đất của ông C đã được thể chấp có đăng ký giao dịch bảo đảm chính vì vậy cơ quan Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ đã thực hiện đầy đủ các bước kê biên, bán đấu giá và cưỡng chế giao đất cho người mua theo đúng quy định của Luật thi hành án dân sự.

[5] Đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ nêu ra các vấn đề sau:

Thứ nhất: “*Tòa sơ thẩm chưa thu thập làm rõ việc Chi cục Thi hành án dân sự huyện C đã tiến hành bàn giao tài sản bán đấu giá cho người mua trúng đấu giá trên thực địa hay không*”

Theo hồ sơ và Quyết định giải quyết khiếu nại của Chi cục trưởng Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ và Cục trưởng Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thể hiện: Ngày 29/5/2018 Chấp hành viên đã ban hành Quyết định cưỡng chế chuyển giao quyền sử dụng đất số 17/QĐ-CCTHADS và thông báo cưỡng chế chuyển giao quyền sử dụng đất số 244/TB-THADS. Ngày 12/6/2018 Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện C cùng các cơ quan, ban ngành địa phương đã tiến hành cưỡng chế giao tài sản cho người mua trúng đấu giá xong theo quy định tại Điều 103 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Theo biên bản về việc cưỡng chế giao tài sản ngày 12/6/2018 (bút lục 242, 243) đã ghi nhận rõ như sau: “...*Đoàn cưỡng chế quyết định giao toàn bộ tài sản theo hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số 17/HĐMB-DTN ngày 11/5/2018 cho ông Trần Thiện T-1984, địa chỉ: ấp T, xã T2, huyện C, TP Cần Thơ là người mua trúng đấu giá tài sản của ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị D đúng theo quy định pháp luật. Ông Trần Thiện T đã kiểm tra diện tích, kích thước, tài sản, tài sản gắn liền trên đất, cây trồng trên đất, cắm trụ đá để xác định mốc giới sử dụng ổn định lâu dài không tranh chấp về sau, đồng thời đồng ý nhận đủ toàn bộ tài sản đấu giá theo hợp đồng mua bán số 17/HĐMB-DTN ngày 11/5/2018. Ông T đã nhận đất xong*”

Như vậy Tòa sơ thẩm đã thu thập đủ tài liệu chứng minh đất đã được giao cho người mua trúng đấu giá xong, chứ không phải chưa thu thập làm rõ việc Chi cục Thi hành án dân sự huyện C đã tiến hành bàn giao tài sản bán đấu giá cho người mua trúng đấu giá trên thực địa như kháng nghị đã nhận định.

Thứ hai: “*Khi giải quyết tranh chấp hợp đồng cổ đất giữa ông C với bà D, ông C không đưa Ngân hàng vào tham gia tố tụng với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót...*”

Khi giải quyết về hợp đồng cổ đất giữa ông C với ông C bà D Tòa sơ thẩm không đưa Ngân hàng vào tham gia tố tụng là đúng pháp luật bởi lẽ; ông C khởi kiện chỉ yêu cầu hủy hợp đồng cổ đất (tức đất vẫn thuộc quyền sử dụng của ông C) và buộc ông C trả lại 200 chỉ vàng 24K, chứ không phải yêu cầu ông C giao đất cho ông C do đó, việc Ngân hàng nhận thể chấp phần đất của ông C trước đó cũng không liên quan, ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ của Ngân hàng. Đồng thời Ngân hàng cũng như các đương sự không ai đề nghị đưa Ngân hàng vào tham gia tố tụng. Điều này là phù hợp với khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Thứ ba: “*Bản án tuyên buộc ông C phải trả lại quyền sử dụng đất cho bà D ông C khi đã nhận đủ 200 chỉ vàng 24K là không đúng quy định pháp luật*”



Bản án số 49/2016/DS-ST ngày 30/6/2016, đang có hiệu lực thi hành cho đến nay chưa có quyết định kháng nghị hay bản án giám đốc thẩm hủy bản án số 49 trên nên không thể khẳng định bản án số 49 là không đúng quy định của pháp luật. Bản án đã tuyên đất vẫn thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông C bà D do đó, cơ quan Thi hành án đã thực hiện việc kê biên, bán đấu giá và cưỡng chế giao đất cho người mua theo Luật thi hành án dân sự. Việc ông C chưa nhận đủ 200 chỉ vàng 24k thì có thể tiếp tục yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự thi hành án đối với ông C bà D theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Từ các chứng cứ phân tích trên đủ cơ sở kết luận cấp sơ thẩm không vi phạm thủ tục tố tụng cũng như thiếu sót trong việc thu thập chứng cứ. Tại phiên tòa hôm nay Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ đã rút một phần Quyết định kháng nghị số 24/QĐKNPT-VKS-DS ngày 21/10/2020 và đề nghị sửa án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên với các chứng cứ và tình tiết phân tích ở phần trên chứng minh được hành vi cản trở không giao đất của bị đơn là có lỗi gây thiệt hại cho lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho nên phải có trách nhiệm bồi thường như án sơ thẩm tuyên là phù hợp.

Về án phí dân sự sơ thẩm tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay nguyên đơn chỉ yêu cầu bồi thường 80.000.000 đồng, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần, phần không được chấp nhận bị đơn phải chịu án phí. Do đó cần phải sửa án sơ thẩm về phần án phí.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản khoản 1 Điều 312, khoản 3 Điều 289, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội

Tuyên xử: Sửa Bản án sơ thẩm về án phí.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Thiện T và ông Danh Thái C.

Không chấp nhận một phần kháng nghị số: 24/QĐKNPT-VKS-DS ngày 21/10/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ.

Đình chỉ xét xử một phần kháng nghị do Viện kiểm sát rút một phần kháng nghị .

Đình chỉ xét xử một phần kháng cáo do nguyên đơn rút một phần kháng cáo.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thiện T đối với ông Danh Thái C.

Buộc ông Danh Thái C phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông Trần Thiện T số tiền 40.800.000 đồng (Bốn mươi triệu tám trăm ngàn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Thiện T đối với số tiền 39.200.000 đồng (một phần trong số tiền yêu cầu 80.000.000 đồng)

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Danh Thái C phải chịu 2.040.000 đồng, ông Trần Thiện T phải chịu 1.960.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông T đã nộp 2.000.000 đồng theo biên lai số 001545 ngày 09/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C; ông T được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 40.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông T và ông C mỗi người phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mỗi người đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 013395 ngày 20/10/2020 và biên lai số 013314 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, ông T, ông C đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- TAND H.Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS. H.Cờ Đỏ;
- Lưu (HS – 2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Trần Trí Dũng**